

A. NỘI DUNG ÔN TẬP
PHẦN I: ĐỌC- HIỂU (4,0 điểm)

I. Ngữ liệu đọc hiểu

Văn bản thông tin; Văn nghị luận

II. Văn bản thông tin

1. Một số đặc điểm của văn bản thông tin

*** Bố cục và mạch lạc của văn bản**

- Bố cục là sự sắp xếp, bố trí các yếu tố, các phần trong một văn bản theo một trật tự nhất định (thời gian, không gian, sự phát triển của sự việc hay mạch suy luận) cho phù hợp với sự triển khai chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.

- Mạch lạc là trật tự hợp lí và rành mạch giữa các câu, các đoạn, các phần trong văn bản. Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản có các phần, các đoạn, các câu đều nói về một đề tài, thể hiện một chủ đề chung xuyên suốt và được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liên mạch và gọi ra được nhiều hứng thú cho người đọc hoặc người nghe.

*** Sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề của văn bản**

- Nhan đề là tên của văn bản, thường do tác giả đặt.

- Nhan đề văn bản thông tin thường phản ánh nội dung chính của văn bản; vì thế giữa nhan đề và nội dung của văn bản phải có sự phù hợp với nhau.

*** Cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản**

- Người viết phải lựa chọn những thông tin chính xác, tiêu biểu, phù hợp với mục đích viết giữa các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

- Phải sắp xếp các thông tin đó theo một trật tự nhất định để vừa tạo nên tính mạch lạc, vừa tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các thông tin đó nhằm thể hiện mục đích của người viết và tạo điều kiện thuận lợi cho người đọc tiếp nhận những thông tin ấy.

*** Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin**

- Các số liệu, tư liệu, hình ảnh, âm thanh,... được đưa vào văn bản thông tin cần mới mẻ hoặc có sự khác biệt với những thông tin cùng loại đã nêu trước đó; được thay đổi hoặc bổ sung, điều chỉnh cho kịp thời, phù hợp với thực tế; phải chính xác, rõ ràng và có thể kiểm tra được.

*** Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp**

- Dữ liệu sơ cấp (primary data) là loại dữ liệu được người viết **thu thập từ các nguồn đầu tiên, nguyên gốc**, nguyên bản bằng cách sử dụng các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn hoặc thí nghiệm,...

- Dữ liệu thứ cấp (secondary data) là loại dữ liệu được người viết **sử dụng lại của người khác và của chính mình**.

*** Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**

- Phương tiện phi ngôn ngữ: ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ,... khi trò chuyện; kí hiệu, công thức, biểu báo, đồ thị, hình vẽ, tranh, ảnh, màu sắc, âm thanh,...

- Bên cạnh những cử chỉ, kí hiệu có cách hiểu chung cho mọi người, mỗi cộng đồng, dân tộc có thể có những quy ước riêng.

- Để sử dụng hiệu quả và tiếp nhận đầy đủ thông điệp từ các phương tiện phi ngôn ngữ, người tham gia giao tiếp không chỉ phải học các kí hiệu, công thức, biểu báo, đồ thị,... mà còn phải học cách ứng xử phù hợp với phong tục, tập quán của cộng đồng.

*** Lưu ý khi đọc văn bản thông tin**

**** Đọc hiểu nội dung**

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết.

**** Đọc hiểu hình thức**

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được các nhan đề văn bản khác.

- Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.

*** *Liên hệ, so sánh, kết nối**

- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.

- Đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

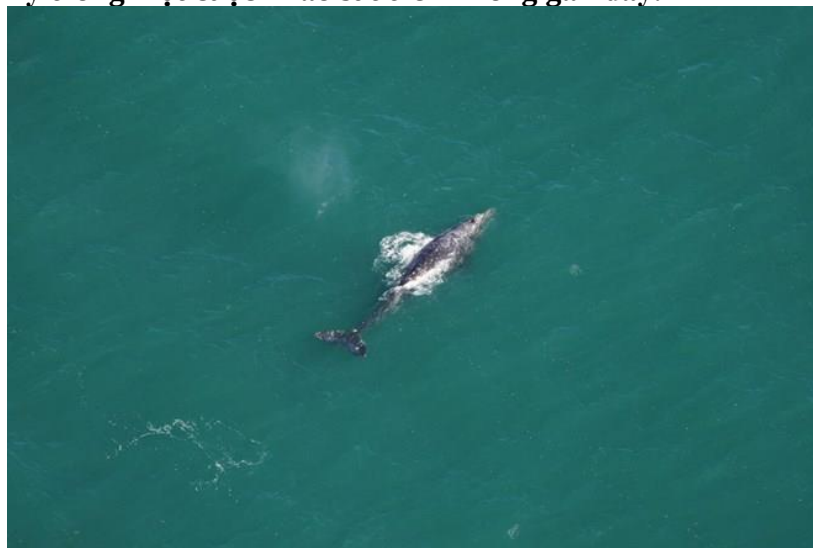
2. Thực hành đọc hiểu văn bản thông tin

ĐỀ 1:

Đọc văn bản:

CÁ VOI XÁM TUYỆT CHỦNG 200 NĂM TÁI XUẤT Ở ĐẠI TÂY DƯƠNG

Các nhà nghiên cứu từ Thủy cung New England nhìn thấy một con cá voi xám ngoài khơi bờ biển Massachusetts, Mỹ trong một cuộc khảo sát trên không gần đây.



Cá voi xám ngoài khơi bờ biển Massachusetts, Mỹ. Ảnh: Thủy cung New England

Việc nhìn thấy cá voi xám ở đại dương là điều bất thường bởi loài sinh vật biển này đã tuyệt chủng ở Đại Tây Dương hơn 200 năm.

Tên gọi cá voi xám bắt nguồn từ những mảng màu đốm xám và trắng trên da của sinh vật này. Cá voi xám thuộc phân bộ cá voi tấm sừng hàm. Chúng có chiều dài lên tới 15 mét, nặng tới gần 45 tấn.

Cá voi xám cũng là thành viên duy nhất còn sót lại trong chi *Eschrichtius* và họ *Eschrichtiidae*. Trong vài thế kỷ qua, cá voi xám chỉ được tìm thấy ở phía bắc Thái Bình Dương.

Trong lịch sử, cá voi xám sống ở Đại Tây Dương nhưng dần dần bị đẩy ra ngoài qua nhiều thế kỷ, có thể do hoạt động săn bắt cá voi. Cá voi xám biến mất khỏi bờ biển Đại Tây Dương của châu Âu khoảng 1.500 năm trước và ra khỏi bờ biển châu Mỹ và châu Phi vào cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18.

Cá voi xám gần như là sinh vật đơn độc, di chuyển một mình hoặc theo nhóm nhỏ, nơi các cá thể gia nhập nhóm và rời đi ngẫu nhiên.

Việc phát hiện cá voi xám ở Đại Tây Dương diễn ra ngày 1.3.2024 khi đội khảo sát trên không của Thủy cung New England bắt gặp cá thể cá voi xám ở cách Nantucket, Massachusetts khoảng 48km về phía nam.

Các nhà khảo sát thấy cá voi xám lặn và nổi lên nhiều lần, có thể là xuống đáy biển để kiếm ăn và ngoi lên mặt nước để thở.

Nhóm khảo sát đã ở lại khoảng 45 phút để chụp ảnh và tìm hiểu về những gì vừa phát hiện.

Yahoo News cho hay, đây không phải lần đầu các nhà nghiên cứu trên thế giới tìm thấy cá voi xám ở Đại Tây Dương trong những năm gần đây.

Các nhà nghiên cứu tin rằng, cá thể cá voi xám cũng đã được phát hiện ở ngoài khơi Florida, Mỹ vào tháng 12.2023.

Ngoài ra, có tổng cộng 5 lần phát hiện cá voi xám ở Đại Tây Dương được báo cáo trong 15 năm qua.

Các nhà khoa học nhận định, biến đổi khí hậu đang dẫn tới thay đổi hành vi của cá voi xám, đẩy loài sinh vật biển này tới những vùng biển mà chúng chưa từng bơi tới trong nhiều thế kỷ.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu đề tài của văn bản trên

Câu 2. Chỉ ra bố cục của văn bản trên.

Câu 3. Phân tích ngắn gọn vai trò các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản:

Câu 4. Nêu tác dụng của việc sử dụng dữ liệu sơ cấp trong văn bản trên.

Câu 5. Qua văn bản, anh, chị rút ra được thông điệp sâu sắc nào cho bản thân? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

Gợi ý trả lời:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đề tài của văn bản: sự phát hiện và tái xuất hiện của cá voi xám tại Đại Tây Dương sau hơn 200 năm tuyệt chủng ở khu vực này.	0,5
	2	Bố cục của văn bản có thể được chia thành ba phần chính: -Phân mở đầu: Giới thiệu sự kiện phát hiện cá voi xám -Phân thân: Thông tin chi tiết về cá voi xám và sự xuất hiện của chúng +Đặc điểm của cá voi xám; +Phân bố và lịch sử tuyệt chủng; +Sự kiện phát hiện; -Phân kết: Nhận định và tầm quan trọng của sự kiện	0,5
	3	Vai trò các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản: -Hình ảnh của cá voi xám được chụp bởi Thủy cung New England ngoài khơi bờ biển Massachusetts giúp người đọc dễ dàng hình dung và hiểu rõ hơn về loài sinh vật này cũng như tình huống phát hiện. Hình ảnh không chỉ làm cho bài viết trở nên sống động và trực quan mà còn tạo sự kết nối cảm xúc với người đọc, giúp họ cảm nhận sâu sắc hơn về sự hiếm hoi và quan trọng của sự kiện này; -Các số liệu cụ thể như "cá voi xám đã tuyệt chủng ở Đại Tây Dương hơn 200 năm," "cách Nantucket, Massachusetts khoảng 48km về phía nam," và "có tổng cộng 5 lần phát hiện cá voi xám ở Đại Tây Dương được báo cáo trong 15 năm qua" cung cấp thông tin chi tiết, chính xác và đáng tin cậy. Những số liệu này giúp làm rõ và củng cố luận điểm của văn bản, tạo sự tin tưởng cho người đọc. Chúng giúp minh họa tình trạng và tầm quan trọng của sự kiện, làm nổi bật sự hiếm hoi và tính đặc biệt của việc phát hiện cá voi xám.	1,0
	4	Tác dụng của việc sử dụng dữ liệu sơ cấp trong văn bản: -Dữ liệu sơ cấp: thông tin về việc phát hiện cá voi xám được thu thập trực tiếp từ cuộc khảo sát trên không của Thủy cung New England; -Tác dụng của việc sử dụng dữ liệu sơ cấp là mang đến thông tin chính xác, cập nhật và có tính thực tiễn cao; giúp người đọc tin tưởng vào độ chính xác và tầm quan trọng của sự kiện được đề cập.	1,0
	5	Học sinh được tự do đưa ra thông điệp sâu sắc cho bản thân, miễn là hợp lí, có lí giải và liên quan đến nội dung đoạn trích. Tham khảo: Học sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau: -Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ và duy trì các hệ sinh thái; -Phải hành động tích cực để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường biển; - Đề cao vai trò của khoa học và công nghệ trong việc hiểu và giải quyết các vấn đề môi trường.	1,0

ĐỀ 2:

Đọc văn bản:

CHUNG TAY CÙNG LÀNG NỮ

Sau những ngày tang thương và u ám, hai hôm trở lại đây không khí tại thôn Làng Nủ, xã Phúc Khánh, huyện Bảo Yên (Lào Cai) đã bắt đầu tươi sáng và vui hơn, không chỉ bởi lãnh đạo các cấp, nhà hảo tâm về thăm hỏi, động viên và tặng quà mà số người bị mất tích nghi là chết đã lần lượt trở về khai báo tại địa phương, qua đó rút dần tỷ lệ thương vong và mất tích. Mặt khác, viễn cảnh về một ngôi làng mới tái sinh trên nền đất cũ cũng ngày càng rõ ràng hơn...

Người mất tích trở về

Ngày 12 giờ trưa 15/9, một thông tin vui đã đến với dân thôn Làng Nủ và cả đội ngũ phóng viên đang tác nghiệp tại hiện trường, các lực lượng liên ngành và cả nước: số người mất tích tại đây rút xuống chỉ còn 14 người (giảm 19 người so với số liệu ngày 14/9).

Tính đến ngày 15/9, đã có 29 người được xem là mất tích trở về khai báo tại địa phương. Với lý do là thời điểm xảy ra lũ quét thông tin liên lạc bị ngắt/gián đoạn, giao thông bị chia cắt dẫn đến chưa kịp thời thống kê, báo cáo một cách chính xác. Một số trường hợp khi có thông tin nhưng lo sợ nguy hiểm nên chưa dám trở về; một số trường hợp do hoảng loạn khai báo bị trùng chéo thành phần giữa gia đình bố mẹ và gia đình riêng... Như vậy, đến ngày 15/9 đã có 87 người tại Làng Nủ an toàn, số người chết và mất tích đến nay chỉ còn 66 trường hợp (giảm 29 trường hợp so với số liệu công bố ban đầu).

Gần tuần lễ đã trôi qua kể từ thời điểm cơn lũ quét tàn bạo ập xuống Làng Nủ (9/9) đã có hàng nghìn tấm lòng vàng hướng về Làng Nủ, mỗi người một việc, một hành động cùng góp sức với người dân nơi đây vượt qua khó khăn, mất mát.

[...]

Tái thiết Làng Nủ

Các ban, ngành chức năng đã bắt đầu bàn đến chuyện tái thiết Làng Nủ. Sáng 14/9, tại thôn Làng Nủ, xã Phúc Khánh, Thường trực UBND huyện Bảo Yên lấy ý kiến người dân về việc xây dựng vị trí khu tái định cư; phương án bố trí sắp xếp dân cư; kiến trúc nhà ở và tổ chức sản xuất...

Đồng chí Trần Trọng Thông, Chủ tịch UBND huyện Bảo Yên thông tin cho chúng tôi phương án sắp xếp tái định cư cho người dân vùng lũ thôn Làng Nủ. Quan điểm là sẽ hỗ trợ hoàn toàn cho các hộ chịu ảnh hưởng bởi thiên tai; bảo đảm hệ thống giao thông thuận lợi, vị trí khu dân cư bảo đảm an toàn và điều kiện sống tốt nhất.

Người dân cơ bản nhất trí với phương án khu tái định cư mới. Nhiều hộ đề nghị kiến trúc nhà ở theo truyền thống của đồng bào dân tộc Tày, đồng thời, bảo đảm các điều kiện sinh hoạt và sản xuất.

[...]

Như vậy, ngay trên đồng đồ nát của ngôi làng cũ bị thiên tai vùi dập, một dự án tái thiết và xây mới thôn Làng Nủ đang từng bước được vạch ra và định hình. Sau những ngày tháng kinh hoàng do thiên tai, giờ đây những người dân thôn Làng Nủ đang nỗ lực từng bước vượt qua đau thương, mất mát. Sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự chung sức, chung lòng của cả hệ thống chính trị và nhân dân cả nước cùng sẽ chia những mất mát này là nguồn động viên vô cùng to lớn để họ dần ổn định cuộc sống.

(Tâm Thờì, Chung tay cùng Làng Nủ. Báo Nhân Dân,

<https://nhandan.vn/chung-tay-cung-lang-nu-post831158.html>, ngày 16/9/2024)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định sa-pô (đoạn mở đầu) của bài viết?

Câu 2. Cho biết nội dung chính của văn bản?

Câu 3. Các số liệu được nêu trong phần thứ nhất có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt thông tin chính của văn bản?

Câu 4. Nhan đề của bài viết gợi tình cảm gì của tác giả?

Câu 5. Thông tin của văn bản đem đến cho anh/chị những suy nghĩ gì?

Gợi ý:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Sa-pô (đoạn mở đầu) của bài viết: Sau những ngày tang thương và u ám, hai hôm trở lại đây không khí tại thôn Làng Nủ, xã Phúc Khánh, huyện Bảo Yên (Lào Cai) đã bắt đầu tươi sáng và vui hơn, không chỉ bởi lãnh đạo các cấp, nhà hảo tâm về	0,5

	<i>thăm hỏi, động viên và tặng quà mà số người bị mất tích nghi là chết đã lần lượt trở về khai báo tại địa phương, qua đó rút dần tỷ lệ thương vong và mất tích. Mặt khác, viễn cảnh về một ngôi làng mới tái sinh trên nền đất cũ cũng ngày càng rõ ràng hơn.../ Sau những ngày tang thương và u ám.... ngày càng rõ ràng hơn...</i>	
2	Nội dung chính của văn bản: Không khí tươi sáng hơn ở Làng Nủ bởi nhiều người mất tích đã trở về và sự chung tay tái thiết của mọi người.	0,5
3	Các số liệu trong phần thứ nhất của bài viết có tác dụng: - Cung cấp thông tin về số người bị mất tích đã lần lượt trở về. - Bày tỏ niềm vui khi tỷ lệ thương vong và mất tích tại Làng Nủ được rút dần.	1,0
4	Tình cảm của tác giả: - Những trăn trở; hoài vọng; ước mong viễn cảnh về một ngôi làng mới tái sinh. - Ca ngợi và góp phần kêu gọi sự chung sức, chung lòng giúp Làng Nủ sớm vượt qua nỗi đau.	1,0
5	Một vài suy nghĩ: - Cảm thương, chia sẻ; chung tay cùng các nạn nhân vượt qua mất mát; tình người trong hoạn nạn. - Cách sống hoà hợp với thiên nhiên, môi trường. - V.V.V...	1,0

III. Văn bản nghị luận (Nghị luận xã hội, Nghị luận văn học)

1. Một số đặc điểm của văn bản nghị luận

* Cách sắp xếp, trình bày luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng

- Trong văn bản nghị luận, luận đề là quan điểm bao trùm toàn bộ bài viết, thường được nêu ở nhan đề hoặc trong phần mở đầu của bài viết.

- Luận điểm nhằm triển khai làm rõ cho luận đề; số luận điểm nhiều hay ít tùy thuộc vào dung lượng và nội dung của vấn đề. Mỗi luận điểm thường được trình bày bằng một câu khái quát và được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ, dẫn chứng.

- Cách sắp xếp, trình bày các yếu tố trên thể hiện bố cục và trình tự, thứ bậc (kết cấu) của hệ thống ý trong bài nghị luận; giúp cho bài viết rõ ràng, mạch lạc và có sức thuyết phục cao.

* Luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo

Luận điểm, lí lẽ tiêu biểu độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc. Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lí lẽ. Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm. Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lí lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người,...) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm.

* Tính khẳng định, phủ định trong văn nghị luận

- *Nguyên nhân* : Văn nghị luận thể hiện rất rõ thái độ, nhận thức, lập trường và quan điểm của người viết. Trước vấn đề nêu lên để bàn luận, người viết cần bày tỏ ý kiến, khẳng định cái đúng, cái tốt; bác bỏ, phê phán cái sai, cái xấu,...

- *Ngôn ngữ* : thường dùng các từ, các câu khẳng định, phủ định nhằm tạo cho bài văn một âm hưởng, giọng điệu mạnh mẽ,....

- *Phạm vi* : Tính khẳng định và phủ định không chỉ có trong văn nghị luận xã hội mà trong cả văn nghị luận văn học.

* Lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận

- *Lập luận* : là cách thức trình bày và triển khai luận điểm; cách nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; cách dùng những lí lẽ và dẫn chứng; cách sử dụng các thao tác như phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu,... để làm sáng tỏ điều tác giả muốn nói, để người đọc hiểu, tin và đồng tình với mình.

- *Ngôn ngữ biểu cảm* : sử dụng nhiều từ ngữ như kết từ, tình thái từ, nhằm nhấn mạnh, tạo nên giọng văn giàu màu sắc biểu cảm.

2. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận

* **Đọc hiểu nội dung**

- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

- Biết tiếp nhận, đánh giá nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích,

* **Đọc hiểu hình thức**

- Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích.

- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

* **Liên hệ, so sánh, kết nối**

Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

3. Thực hành đọc hiểu văn bản nghị luận

ĐỀ 1:

Đọc văn bản:

Sống trọn vẹn là khi chúng ta hướng tới những điều tích cực, những giá trị tốt đẹp bằng cách không ngừng học hỏi, khám phá những điều mới mẻ thay vì tự bằng lòng với những thứ bằng phẳng, nhàm chán, quanh quẩn.

Họ thường đặt bản thân mình trong thử thách, khó khăn để không ngừng nỗ lực hoàn thiện bản thân và thành công theo cách trọn vẹn nhất. Đây cũng là nguyên tắc quan trọng làm nên cuộc sống trọn vẹn của mỗi người.

Sống trọn vẹn còn là khi chúng ta biết dành sự yêu thương, quan tâm đối với gia đình, người thân, bạn bè. Họ là những người làm nên cuộc sống của bạn. Ai đó bảo rằng: “Hạnh phúc là một cái rất kì lạ mà người ta chỉ nhận được khi đem nó cho người khác”.

Bạn cho đi những điều tốt đẹp thì bạn sẽ nhận lại những điều tốt đẹp. Đó không nhất thiết phải là vật chất, tiền tài; đó chỉ đơn giản là niềm vui, sự bình yên trong tâm hồn nhưng là hạnh phúc trọn vẹn nhất.

Sống trọn vẹn là khi chúng ta biết cống hiến, biết lấy niềm vui, hạnh phúc của người khác làm niềm vui, hạnh phúc của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, rất nhiều người đang từng giờ, từng ngày nỗ lực tận hiến, đem niềm vui cho mọi người, cho xã hội, cho đất nước.

Họ là đội ngũ y bác sĩ trên mặt trận chống “giặc” Covid nơi tuyến đầu; họ là những cán bộ, đoàn viên xông xáo, nhiệt huyết vừa đam mê vừa trách nhiệm; họ là những nhà giáo, kĩ sư, công nhân, nông dân... dù là ai, họ vẫn đang thực hành lối sống trọn vẹn và đẹp đẽ nhất.

Cuộc sống chính là món quà tuyệt vời mà mỗi người được nhận. Được sống đã là hạnh phúc. Và sống trọn vẹn, ta sẽ có được niềm hạnh phúc trọn vẹn!

(Hãy sống trọn vẹn nhất, Xanh Nguyên, Nguồn <https://giaoducthoidai.vn>)

Câu 1. Chỉ ra luận điểm nói đến *sống trọn vẹn* trong văn bản.

Câu 2. Nêu dấu hiệu các thao tác lập luận được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Trình bày sự phù hợp giữa nhan đề "*Hãy sống trọn vẹn nhất*" với nội dung của văn bản.

Câu 4. Nêu mục đích của tác giả khi viết văn bản.

Câu 5. Anh, chị có đồng tình với quan điểm rằng "*hạnh phúc là một cái rất kì lạ mà người ta chỉ nhận được khi đem nó cho người khác*"? Hãy giải thích lý do. (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

Gợi ý:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- " <i>Sống trọn vẹn là khi chúng ta hướng tới những điều tích cực, những giá trị tốt đẹp bằng cách không ngừng học hỏi, khám phá những điều mới mẻ thay vì tự bằng lòng với những thứ bằng phẳng, nhàm chán, quanh quẩn.</i> " - " <i>Sống trọn vẹn còn là khi chúng ta biết dành sự yêu thương, quan tâm đối với gia đình, người thân, bạn bè. Họ là những người làm nên cuộc sống của bạn.</i> "	0,5

		- "Sống trọn vẹn là khi chúng ta biết cống hiến, biết lấy niềm vui, hạnh phúc của người khác làm niềm vui, hạnh phúc của chính mình."	
	2	Trong văn bản, tác giả sử dụng các thao tác lập luận như: - Giải thích: Giải thích về khái niệm sống trọn vẹn, đưa ra các hành động cụ thể như học hỏi, cống hiến và yêu thương. - Chứng minh: Cung cấp các ví dụ về những người sống trọn vẹn như y bác sĩ, giáo viên, công nhân, nông dân... - Bình luận: Bình luận về ý nghĩa của việc cho đi hạnh phúc và nhận lại hạnh phúc, tạo ra một sự kết nối giữa người với người. - Phân tích: Phân tích các yếu tố tạo nên một cuộc sống trọn vẹn, từ việc không bằng lòng với những gì nhằm chán đến cống hiến cho xã hội.	0,5
	3	- Nhan đề "Hãy sống trọn vẹn nhất" rất phù hợp với nội dung của văn bản vì toàn bộ bài viết đều xoay quanh việc tìm kiếm một cuộc sống đầy đủ, ý nghĩa, không chỉ bằng lòng với những gì bình thường, mà phải luôn phấn đấu, học hỏi và cống hiến. - Tác giả khuyến khích người đọc sống trọn vẹn, tức là sống với mục tiêu cao cả, yêu thương và chia sẻ, mang lại hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng.	1,0
	4	- Mục đích của tác giả khi viết văn bản là kêu gọi người đọc hãy sống trọn vẹn, không chỉ tập trung vào thành công cá nhân mà còn phải biết yêu thương, cống hiến cho xã hội. - Tác giả mong muốn người đọc nhận thức được rằng hạnh phúc thực sự không đến từ vật chất mà từ sự chia sẻ và giúp đỡ người khác, đồng thời, khuyến khích mọi người tìm kiếm và phát triển bản thân trong suốt cuộc đời.	1,0
	5	- Tôi hoàn toàn đồng tình với quan điểm này. - Lí do: + Hạnh phúc không chỉ đến từ việc ta nhận lại từ người khác mà còn từ việc ta chia sẻ, giúp đỡ và đem lại niềm vui cho người khác. + Khi ta cho đi sự quan tâm, tình yêu thương, hay giúp đỡ người xung quanh, chính bản thân ta cũng cảm nhận được niềm vui, sự an tâm và hạnh phúc. + Đây là một chuỗi liên kết mà trong đó, khi ta cho đi, ta cũng sẽ nhận lại những điều tuyệt vời về tinh thần, làm phong phú thêm cuộc sống của chính mình.	1,0

ĐỀ 2:

Đọc văn bản:

CHO, NHẬN TỪ TÂM LÒNG

Từ mấy năm nay, các quán cơm miễn phí xuất hiện ngày càng nhiều trên các con đường đông đúc tại TP HCM, góp phần giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn đang vất vả mưu sinh trong xã hội. Mô hình "cơm treo" cũng xuất phát từ những ý nghĩa cao đẹp đó.

Cách vận hành của các quán "cơm treo" khá đơn giản. Một vị khách bất kỳ đến ăn cơm có thể trả thêm 1 hoặc nhiều suất cơm khác gửi lại quán. Quán sẽ dành số lượng cơm đó để trao tặng cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn khác dùng.

Quán cơm tấm Thanh Niên trên đường Nguyễn Ảnh Thủ (huyện Hóc Môn) là một điển hình cho mô hình này. Anh Nguyễn Thành Công (chủ quán cơm tấm Thanh Niên) cho hay mỗi suất cơm bình thường được bán với giá từ 30.000 - 50.000 đồng. Tuy nhiên, với mỗi suất "cơm treo" sẽ chỉ được "bán" với giá 20.000 đồng.

Khách đến lấy "cơm treo" có thể là người già neo đơn, là chị buôn ve chai, cậu bé bán vé số hay một sinh viên xa nhà đang khó khăn... Có thể đối với nhiều người, một bữa cơm không quá to tát nhưng đối với những mảnh đời khó nhọc, nó là bữa cơm ấm lòng, giúp họ có thêm niềm tin để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

Sự sẻ chia thầm lặng, mang giá trị san sẻ với nhau nhiều hơn, khi người cho đi tùy theo khả năng của mình để chia sẻ, người nhận cũng tâm lý nhẹ nhàng. Nhận thấy ý nghĩa nhân văn của mô hình, suốt 1 tháng qua, nhiều khách đã tích cực ủng hộ "cơm treo". Đa phần là khách ủng hộ tại quán, để lại thông tin ẩn danh là nhiều. Tùy vào những thời điểm, tùy vào sự "treo" ít hoặc nhiều của khách mà quán "treo" số lượng hỗ trợ bà con cũng khác nhau.

(Trích *Cơm treo nghĩa tình*, Kim Ngân, 26/05/2024, báo Người lao động)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong đoạn in đậm.

Câu 2. Văn bản trên sử dụng những thao tác lập luận nào?

Câu 3. Mục đích của người viết là gì?

Câu 4. Phân tích tác dụng của câu khẳng định được sử dụng ở đoạn in đậm

Câu 5. Trong đoạn cuối có câu: “Sự sẻ chia thầm lặng, mang giá trị san sẻ với nhau nhiều hơn, khi người cho đi tùy theo khả năng của mình để chia sẻ, người nhận cũng tâm lý nhẹ nhàng”. Anh /chị có đồng tình với quan điểm ấy của tác giả không? Vì sao?

Gợi ý:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Bằng chứng: Khách đến lấy "cơm treo" có thể là người già neo đơn, là chị buôn ve chai, cậu bé bán vé số hay một sinh viên xa nhà đang khó khăn... - Lí lẽ: Có thể đối với nhiều người, một bữa cơm không quá to tát nhưng đối với những mảnh đời khó nhọc, nó là bữa cơm ấm lòng, giúp họ có thêm niềm tin để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.	0,5
	2	Thao tác lập luận: giải thích và bình luận	0,5
	3	Thuyết phục người đọc về ý nghĩa cao đẹp của mô hình “cơm treo”	1,0
	4	Câu văn khẳng định có tác dụng nhấn mạnh và thuyết phục về sức mạnh kì diệu của mô hình “cơm treo”	1,0
	5	HS có thể đồng tình, không đồng tình, chỉ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả nhưng cần lí giải thuyết phục	1,0

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

I. Viết đoạn văn nghị luận 200 chữ về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

1. Giới thiệu các đề tài nghị luận xã hội liên quan đến tuổi trẻ

- Tuổi trẻ ngày nay và những biểu hiện của lòng yêu nước, tự hào dân tộc.
- Tuổi trẻ và những khó khăn, thách thức.
- Ý chí và sự sáng tạo của tuổi trẻ.
- Bối cảnh hội nhập quốc tế: cơ hội và thách thức.
- Tuổi trẻ và lòng nhân ái, đức hy sinh.
- Tuổi trẻ với đức tính kiên trì, chăm chỉ.
- Tuổi trẻ và lòng trung thực, ý thức trách nhiệm.
- Tuổi trẻ và cuộc cách mạng 4.0
- Vai trò của phụ nữ và bình đẳng giới.
- Tuổi trẻ và năng lực tự chủ, tự học.
- Tuổi trẻ và năng lực giao tiếp, hợp tác.
- Tuổi trẻ và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Giữ gìn bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế.
- Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- Tuổi trẻ với việc gìn giữ môi trường.
- Tuổi trẻ và vấn đề khởi nghiệp.

2. Quy trình viết đoạn văn nghị luận 200 chữ về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

a) Bước 1: Tìm hiểu đề

- Đọc kĩ đề, lưu ý những từ ngữ quan trọng/ then chốt gợi hướng làm bài.
- Xác định nội dung nghị luận để tránh lạc đề.
- Nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề bàn luận (có thể dùng các cụm từ như: đây là vấn đề quan trọng/cần thiết/ cấp thiết/rất đáng quan tâm/ rất đáng suy ngẫm, có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, chúng ta cần có trách nhiệm, cần có những giải pháp hợp lý,...)
- Xác định phạm vi tư liệu cho bài viết.

b) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- **Tìm ý:** Cần hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi sau để tìm ý:
 - + Vấn đề mà đề yêu cầu bàn luận là vấn đề gì? (GIẢI THÍCH các từ ngữ, khái niệm,...)
 - + Vấn đề đó như thế nào? (Đang diễn ra như thế nào? Có tác động gì đến đời sống xã hội? (tích cực/ tiêu cực, đúng/sai; phải/trái). Thái độ/quan điểm của xã hội/ cá nhân đối với vấn đề?
 - + Tại sao lại như vậy? Có những quan điểm gì khác/ trái chiều?
 - + Cần đề xuất những giải pháp nào cho vấn đề trên?
- **Lập dàn ý:** Sắp xếp hệ thống luận điểm hợp lý, lựa chọn bằng chứng phù hợp, trình bày theo dàn ý sau:

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề

Giới thiệu vấn đề nghị luận và khẳng định vấn đề (dựa vào từ khóa để xác định trọng tâm).

Thân đoạn: Triển khai vấn đề nghị luận

- Giải thích (nếu cần)
- Phân tích - bình luận: trọng tâm đề bài yêu cầu
- + Với cá nhân
- + Với cộng đồng, xã hội (Kèm dẫn chứng cụ thể từ đời sống)

Kết đoạn: khẳng định lại vấn đề nghị luận

Nêu ngắn gọn bài học cần rút ra và quan điểm của mình.

Đoạn văn:

Giới thiệu vấn đề + khẳng định vấn đề + giải thích (nếu cần) + luận điểm 1+ luận điểm 2 + luận điểm 3 + dẫn chứng + nhận thức, hành động của bản thân + bài học.

c) Bước 3: Viết

* Viết đoạn mở đoạn:

- **Cách thức:** Có thể mở bài theo lối trực tiếp hoặc gián tiếp:

+ **Trực tiếp:** Đi thẳng vào vấn đề cần nghị luận.

+ **Gián tiếp:**

++ Cách 1: Sử dụng trích dẫn

Sử dụng trích dẫn từ các câu danh ngôn, câu hát là cách mở gián tiếp ngắn gọn nhất, dễ áp dụng nhất.

Ví dụ: Bàn về sự nỗ lực không ngừng.

Robin Sharma từng xác quyết: “Đừng sống cùng một năm đến 75 lần và gọi đó là cuộc đời”. Thật vậy, sự nỗ lực không ngừng là điều thiết yếu tạo nên giá trị của một con người.

++ Cách 2: Đưa ra những liên tưởng, tưởng tượng

Sử dụng những hình ảnh mang tính gần gũi, tương đồng với vấn đề cần bàn luận. Như thế, vừa tạo ra sự đối sánh vừa gợi mở vấn đề thú vị hơn.

Ví dụ: Bàn về sự thích nghi.

Tắc kè hoa là loài vật có sự biến đổi linh hoạt bậc nhất hành tinh. Chúng có khả năng đảo mắt 360 độ, quan sát bằng hai hướng độc lập và thay đổi màu cơ thể đến bảy lần tùy thuộc vào môi trường hoạt cảnh để lẩn trốn và săn mồi. Loài người chúng ta đã làm gì trước những biến chuyển khôn lường của vũ trụ? Chắc hẳn, một trong những điều cần có đó là sự thích nghi.

++ Cách 3: Sử dụng tư duy phản biện

Chúng ta có thể nêu những quan điểm trái ngược, cách nghĩ đa chiều, mới mẻ về vấn đề để có cách mở thú vị.

Ví dụ: Bàn về ý nghĩa của lòng biết ơn.

Trong thế giới cổ tích, để có được kết thúc có hậu, nhân vật thường chờ đợi phép màu từ ông Bụt, bà Tiên. Còn trong thế giới này, phép màu của chúng ta đến từ chính mình, và lòng biết ơn là phép màu kì diệu như thế.

++ Cách 4: Sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ

Với cách này, chúng ta sẽ tìm những hình ảnh mang tính tương đồng với vấn đề cần bàn luận để tăng giá trị biểu cảm, biểu đạt cho bài viết.

Ví dụ: Bàn về sự nỗ lực không ngừng

Như đóa hướng dương luôn hướng về phía mặt trời, con người phải luôn nỗ lực không ngừng để vươn lên phía trước

* Viết phần thân đoạn:

- Viết phần giải thích

Trước hết cần hiểu, giải thích là dùng lí lẽ để giảng giải, cắt nghĩa giúp người đọc, người nghe hiểu rõ một hiện tượng, một vấn đề nào đó. Qua thao tác giải thích, học sinh mới có thể hiểu rõ vấn đề, từ đó đưa ra những phân tích bình luận sâu sắc.

- Viết phần phân tích bình luận

Phân bình luận là trọng tâm của bài viết nghị luận xã hội nên cần có sự đầu tư, tập trung kĩ lưỡng để vấn đề nghị luận được thể hiện sâu sắc, thuyết phục. Mỗi dạng khác nhau sẽ có cách thức triển khai vấn đề khác nhau. Chúng ta cần xác định đúng dạng câu hỏi để có hướng làm bài phù hợp. Sau đó tìm luận điểm, luận cứ và dẫn chứng xác đáng. Dưới đây là những gợi ý cho từng dạng câu hỏi, học sinh có thể tham khảo. (Tất nhiên, những ý tưởng này chỉ mang tính ví dụ để gợi ý dẫn vấn đề, không nên áp dụng máy móc, rập khuôn mà cần linh hoạt, sáng tạo, thỏa đáng).

Dạng 1: giải pháp

Với cá nhân

- Về thể chất: vận động, luyện tập thể dục thể thao để cải thiện sức khỏe, vóc dáng, tạo ra nguồn năng lượng tích cực,...

- Về tâm lí: hiểu được việc đối mặt với khó khăn hay thử thách là điều đương nhiên; giữ cho mình tâm lí bình tĩnh, tự tin, kiên định, lạc quan,....

- Về kiến thức: không ngừng học hỏi, trau dồi thêm kiến thức để trang bị cho mình hành trang sống, có đủ sức mạnh để đương đầu khó khăn, thử thách,...

- Về kĩ năng: luyện tập thường xuyên để vận dụng nhuần nhuyễn, thành thạo hơn, dám bước ra khỏi vùng an toàn của chính mình, dám dẫn thân và trải nghiệm để trở nên cứng cáp, bản lĩnh hơn.

- Về mối quan hệ xã hội: thân thiện, cởi mở hơn, kết nối nhiều hơn,...

- Về hành động: có hành động cụ thể như viết nhật kí, lập bảng kế hoạch,...

Với cộng đồng và xã hội

- Tuyên truyền, phổ biến thông tin cần thiết, hữu ích để nâng cao nhận thức, hiểu biết của mỗi cá nhân.

- Vận động, khích lệ những điều tốt, đẩy lùi, bài trừ cái xấu.

- Cần đưa ra những biện pháp xử lý mạnh, nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm pháp luật và ảnh hưởng tới cộng đồng.

Dạng 2: ý nghĩa

*** Với cá nhân**

- Về tâm lý: mang đến sự nhẹ nhõm, vui tươi, hạnh phúc,...
- Về sức khỏe: giúp mình có năng lượng và sức mạnh vượt qua khó khăn thử thách; cải thiện, nâng cao sức khỏe,...
- Về mối quan hệ xã hội: được người khác yêu quý, kính trọng; giúp gắn kết mối quan hệ xã hội,...
- Về công việc: giúp công việc suôn sẻ, thuận lợi, thành công,...
- Về đời sống: làm cho cuộc sống ý nghĩa hơn,...
- Về kiến thức: cho mình thêm những bài học sâu sắc, ý nghĩa; nâng cao hiểu biết cũng như giá trị bản thân,...
- Về phẩm chất: hoàn thiện nhân cách, giúp chúng ta trở nên mạnh mẽ, bản lĩnh, kiên cường, tự tin,...

*** Với cộng đồng và xã hội**

- Lan tỏa những giá trị và năng lượng tích cực.
- Thúc đẩy sự phát triển của xã hội.
- Làm cho xã hội trở nên văn minh, nhân ái.

Phần chứng minh

Để chứng minh vấn đề, chắc chắn phải sử dụng các bằng chứng. Chúng làm tăng khả năng thuyết phục, tạo nên sự sinh động, gần gũi và cụ thể hơn cho bài viết. Bằng chứng không nhất thiết là con người, học sinh có thể lấy bằng chứng từ các sinh vật trong đời sống (hoa sen, đại bàng, sâu bướm...) hoặc sử dụng các số liệu, các thí nghiệm khoa học, hội chứng tâm lý, vấn đề thực tế,... Bằng chứng phải có tính chân thực, khách quan, làm tăng thuyết phục cho lý lẽ của mình. Với bài văn, có thể đan xen bằng chứng khác nhau để bài viết phong phú, hấp dẫn.

Ví dụ:

- + Các nhân vật xuất chúng như Tesla, Elon Musk, Bill Gate... dùng cho các dạng đề chấp nhận thất bại, khả năng quan sát nhạy bén, dám khác biệt, thành công, ý chí nghị lực, kiên trì,...
- + Các cô hoa hậu như H'hen Niê... dùng cho các dạng đề: tự hào dân tộc, bản sắc dân tộc, lòng biết ơn, sự nhạy bén, nỗ lực...

Phần mở rộng vấn đề

Phần mở rộng vấn đề là cơ hội để học sinh bày tỏ những góc nhìn mới mẻ, đa chiều về vấn đề nghị luận. Học sinh có thể nêu theo 3 hướng chính:

- + Phê phán tư tưởng, hành động lệch lạc, tiêu cực.
- + Phản biện, lật ngược vấn đề; bác bỏ những ý kiến mang tính ngộ nhận của số đông.
- + Đưa ra góc nhìn mới mẻ, mang tính bổ sung cho vấn đề.

Ví dụ: Bàn về ý nghĩa của sự tự tin

- Phê phán tư tưởng, hành động lệch lạc, tiêu cực (những người thiếu tự tin): Những người tự ti, sống thu mình và luôn sợ hãi mọi thứ mà không dám thể hiện cái tôi của mình.
- Phản biện ý kiến mang tính ngộ nhận của số đông (những người tự tin thái quá): Không phải lúc nào tự tin cũng là tốt. Có những kẻ tự cao, tự đại không biết lượng sức mình, luôn cho mình là trung tâm của vũ trụ mà không nỗ lực trau dồi.
- Đưa ra góc nhìn mới mẻ, mang tính bổ sung cho vấn đề: Sự tự tin nhiều khi cần dừng cảm, mạnh mẽ trước những khác biệt và định kiến. Người đời mặc định qua đen đúa đại diện cho cái xấu, công lộng lầy sặc màu biểu trưng cho cái đẹp. Nhưng đen liệu có là xấu, đơn sắc liệu có phải thất bại?

Phần liên hệ bản thân

Liên hệ bản thân trong nghị luận xã hội là những điều bản thân mình rút ra từ vấn đề nghị luận. Tức là từ vấn đề mang tính lý thuyết, chúng ta có sự soi chiếu lên chính mình. Nhiều học sinh đưa ra liên hệ còn giả tạo, máy móc, khiến người đọc không đem lại cảm giác chân thực, chân thành. Cho nên, ở phần liên hệ bản thân, học sinh nên đưa ra những trải nghiệm cá nhân mà qua

đó mình có những vỡ lẽ, bài học cho riêng mình.

*** Viết phần kết đoạn**

- **Cách thức:** Có thể kết bài bằng những cách sau:

- + Tóm lược vấn đề: Người viết khái quát lại các nội dung đã trình bày ở phần thân đoạn.
- + Phát triển vấn đề: Người viết mở rộng thêm vấn đề đặt ra trong bài viết.
- + Phối hợp: Người viết khái quát lại các nội dung đã trình bày ở phần thân đoạn, đồng

thời mở rộng thêm vấn đề.

d) Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại và kiểm tra lỗi.
- Chỉnh sửa cho hợp lí.
- Rút kinh nghiệm.

3) Thực hành viết đoạn văn 200 chữ vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

ĐỀ 1: Anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về mối qua

*** Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. n hệ giữa thế hệ trẻ ngày nay và cội nguồn dân tộc.

Gợi ý làm bài:

*** Thân đoạn:**

- *Giải thích:* Cội nguồn, chính là nơi khởi đầu và sinh ra, mang trong mình đặc trưng của gia đình, quê hương và đất nước, đại diện cho tình yêu thương và sự kính trọng, đã được biểu hiện qua nhiều hình thức đa dạng.

- *Phân tích, chứng minh :*

+ Tại sao thế hệ trẻ cần hướng về cội nguồn?
++ Cội nguồn là nơi gốc rễ truyền thống văn hóa dân tộc mà mỗi người dân Việt Nam mang trong mình từ khi sinh ra.

++ Nguồn cội còn là quê hương, nơi chôn vùi những câu chuyện buồn vui của từng người.

++ Biết ơn, trân trọng nguồn cội chính là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

++ Thế hệ trẻ luôn mang trong mình lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương, xứ sở, dù đi đâu, ở đâu, làm gì vẫn nhớ về nguồn gốc, đất nước mình

++ Từ thời xa xưa, dân tộc ta đã nuôi dưỡng truyền thống quan tâm đến cội nguồn, thể hiện trong câu “Uống nước nhớ nguồn” hay như câu ca dao "Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng ba".

++ Nhớ về cội nguồn sẽ định hướng cho thế hệ trẻ những điều đúng đắn, tốt đẹp, bảo vệ và phát triển đất nước thân yêu.

- *Bàn bạc mở rộng:*

+ Không có quốc gia nào tự nhiên giàu đẹp và sở hữu những giá trị cốt lõi. Tất cả đều là kết quả của công sức lao động, sự hy sinh và sáng tạo của những thế hệ đi trước. Hôm nay chính chúng ta lại là thế hệ đi trước của ngày hôm sau.

+ Điều này tạo nên những thông điệp tích cực và truyền thống biết ơn, giúp mọi người trong đất nước đoàn kết và gắn bó với nhau hơn. Nguồn cội là động lực thúc đẩy ta vươn lên và nỗ lực trong cuộc sống.

+ Phê phán một bộ phận giới trẻ sống buông thả, vô ơn với ông cha, những người đã đổ xương máu để bảo vệ và dựng xây đất nước.

*** Kết đoạn:**

- **Về nhận thức:** Hướng về cội nguồn là điều đẹp đẽ và đầy ý nghĩa.

- **Về hành động:** luôn ghi nhớ công ơn của cha ông qua những ngày kỉ niệm, ngày giỗ Tổ, tích cực học tập và rèn luyện ý thức bảo vệ, yêu quý, trân trọng tổ quốc, tham gia xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh hơn...

ĐỀ 2: Viết đoạn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về chủ đề: Tuổi trẻ với cách sống chủ động trong xã hội hiện đại.

Gợi ý làm bài:

* **Mở đoạn:** Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: Tuổi trẻ với cách sống chủ động trong xã hội hiện đại.

* **Thân đoạn:**

- Giải thích: Sống chủ động là khả năng kiểm soát và điều chỉnh cuộc sống của bản thân theo cách có ý thức và chủ động, thay vì chỉ phản ứng với những sự kiện và tình huống xảy ra xung quanh.

- Cách sống chủ động có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống hiện đại:

+ Cuộc sống hiện đại với nhiều thay đổi, luôn tồn tại những thách thức, tiềm ẩn rủi ro,... Cách sống chủ động giúp con người không bối rối, lúng túng. Từ đó, con người bình tĩnh, linh hoạt tìm được cách giải quyết.

+ Sống chủ động giúp con người nắm bắt được những cơ hội đạt thành công.

+ Người sống ở thế chủ động sẽ phát huy được năng lực của bản thân, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ. Bản thân dám nghĩ, dám làm tạo đà cho những thành tựu lớn lao và sự phát triển của đất nước.

- Để rèn luyện được cách sống chủ động, con người cần: Thấy được tác dụng to lớn của việc chủ động trước mọi hoàn cảnh. Cần rèn luyện phẩm chất, trau dồi tri thức, tích lũy kinh nghiệm để chủ động đối mặt với mọi hoàn cảnh.

- Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn: Con người không nên sống thụ động, dựa dẫm, thiếu tự tin,... Sống chủ động là quan trọng, nhưng cần thiết phù hợp với hoàn cảnh. Sống chủ động không có nghĩa là liều lĩnh, bất chấp hoàn cảnh...

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.

II. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

1. Quy trình viết văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

a) Bước 1: Chuẩn bị (Tìm hiểu đề)

- Đọc kĩ đề, gạch dưới những từ khóa giúp anh/chị hiểu được yêu cầu của đề.

- Xác định yêu cầu kiểu bài, lựa chọn nội dung và hình thức trình bày.

- Thu thập thông tin, hình thành ý tưởng cho bài viết.

b) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

* **Tìm ý: bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:**

- **Đặc điểm nội dung** (hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh văn hóa xã hội, đề tài, chủ đề, cảm hứng sáng tác, phong cách sáng tác, quan điểm thẩm mỹ), **nghệ thuật** (thể loại, ngôn ngữ, nhân vật trữ tình, kết cấu, giọng điệu, chi tiết, hoàn cảnh, thủ pháp nghệ thuật...) của bài thơ/đoạn thơ (1), (2) là gì?

- Có điểm tương đồng nào về nội dung và nghệ thuật giữa hai đoạn thơ?

- Điểm khác biệt về nội dung và nghệ thuật giữa hai đoạn thơ là gì?

- Em có nhận xét, đánh giá gì về những điểm tương đồng và khác biệt đó?

* **Lập dàn ý: lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần theo dàn ý sau:**

Mở bài:

Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm thơ hiện đại cần so sánh (nêu tên, tác giả và bối cảnh ra đời của tác phẩm). **Nêu vấn đề nghị luận:** Sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm, và ý nghĩa của chúng trong văn học hiện đại.

Thân bài:

- **Phân tích nội dung, điểm nổi bật về nghệ thuật của 2 bài thơ/ đoạn thơ**

- **So sánh**

+ **Sự tương đồng giữa 2 bài thơ/ đoạn thơ:**

++ **Đề tài:** 2 bài thơ/ đoạn thơ đều viết về đề tài nào?

++ **Chủ đề chung:** 2 bài thơ/ đoạn thơ cùng hướng tới chủ đề gì? (Ví dụ: tình yêu quê hương, thân phận con người, vẻ đẹp thiên nhiên, tình yêu, hòa bình, v.v.)

++ **Hình ảnh thơ và cách biểu đạt:** Các hình ảnh thơ, ngôn ngữ, và phong cách thể hiện trong hai bài có điểm chung nào?

++ **Giá trị tư tưởng và nghệ thuật:** Cùng truyền tải những giá trị gì? Có những điểm tương đồng nào về nghệ thuật?

+ Sự khác biệt giữa 2 bài thơ/ đoạn thơ:

++Bối cảnh sáng tác và cảm hứng cá nhân của tác giả:

Hai tác phẩm được sáng tác trong những thời kỳ, hoàn cảnh khác nhau như thế nào? Ảnh hưởng của thời đại đến nội dung bài thơ.

++ Phong cách nghệ thuật: Phong cách viết có gì khác biệt? (Ví dụ: sử dụng từ ngữ, câu chữ, cấu trúc bài thơ).

++ Hình ảnh và biểu tượng: Các hình tượng chính và cách xây dựng ý nghĩa của chúng trong từng bài thơ khác nhau ra sao?

.....

=> Lí giải sự khác nhau

- Ý nghĩa sự so sánh (Đánh giá)

+ So sánh 2 bài thơ/ đoạn thơ không chỉ giúp ta hiểu sâu hơn về từng tác phẩm, mà còn thấy được sự đa dạng và phong phú của thơ ca hiện đại.

+ Nhấn mạnh tầm quan trọng của tư duy so sánh trong việc phân tích và cảm thụ văn học.

Kết bài:

- Tóm tắt lại những điểm tương đồng và khác biệt chính giữa hai tác phẩm.

- Đánh giá tổng quát: Những giá trị nghệ thuật và tư tưởng của hai bài thơ trong bối cảnh văn học hiện đại.

- Lời kết mở rộng: Gợi ra suy nghĩ về sự phát triển của thơ ca hiện đại trong tương lai.

c) Bước 3: Viết

Viết bài văn theo dàn ý đã lập, cần lưu ý những điểm sau:

- Thể hiện một cách tự nhiên quan điểm riêng của bản thân, miễn là hợp lí, thuyết phục.
- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.

- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.

- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.

c) Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa

- Đọc lại bài văn đã viết, kiểm tra nội dung và hình thức, nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa.

- Tự đánh giá kết quả của bài viết.

2. Thực hành viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

ĐỀ 1: Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai bài thơ "Thơ viết ở biển" (Hữu Thỉnh) và "Chùm nhỏ thơ yêu" (Chế Lan Viên).

THƠ VIẾT Ở BIỂN	CHÙM NHỎ THƠ YÊU
Anh xa em Trăng cũng lẻ Mặt trời cũng lẻ Biển vẫn cậ mình dài rộng thế Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn Gió không phải là roi mà vách núi phải mòn Em không phải là chiều mà nhuộm anh đến tím Sóng chẳng đi đến đâu nếu không đưa em đến Dù sóng đã làm anh Nghiêng ngả Vì em...	Anh cách em như đất liền xa cách bể Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em Em thân thuộc sao thành xa lạ thế Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm Anh không ngủ. Phải vì em đang nhớ Một trời sao rực cháy giữa đôi ta Em nhắm mắt cho lòng anh lặng gió Cho trời sao yên rưng một đêm hoa

THƠ VIẾT Ở BIỂN	CHÙM NHỎ THƠ YÊU
(Hữu Thỉnh, Thơ viết ở biển, in trong tập 100 bài thơ tình chọn lọc, Nhà xuất bản Giáo dục, 1997, trang 152-153)	(Chế Lan Viên, Chùm nhỏ thơ yêu, in trong tập Hoa ngày thường - Chim báo bão, Nhà xuất bản Văn học, 1967)

Gợi ý làm bài:

* **Mở bài:** Dẫn dắt vào đề tài tình yêu và nỗi nhớ trong thơ ca. Giới thiệu hai bài thơ Thơ viết ở biển (Hữu Thỉnh) và Chùm nhỏ thơ yêu (Chế Lan Viên); khẳng định hai bài thơ có những điểm tương đồng và khác biệt.

* **Thân bài:**

- So sánh hai bài thơ

+ Những điểm tương đồng giữa hai bài thơ:

++ Cả hai bài thơ đều viết về đề tài tình yêu và nỗi nhớ khi xa cách. Cảm hứng chủ đạo là tình cảm yêu thương, nhớ nhung, trăn trở, suy tư da diết, sâu sắc. Hai tác phẩm cùng chọn nhân vật trữ tình là "Anh" – là cái tôi trữ tình của tác giả để gửi gắm những cảm xúc chân thành, đắm say về tình yêu và cuộc đời.

++ Những cảm xúc, suy tư của hai nhà thơ đều được thể hiện qua hình thức thơ tự do, đậm chất trữ tình, lãng mạn. Cả hai bài thơ đều có những hình ảnh so sánh, nhân hóa, ẩn dụ giàu tính biểu cảm.

+ Những điểm khác biệt giữa hai bài thơ:

++ Nếu Thơ viết ở biển của Hữu Thỉnh thể hiện những cảm xúc của chủ thể trữ tình khi đứng trước biển cả bao la, rộng lớn, cảm thấy nhỏ bé trước không gian, cô đơn khi xa cách người yêu, nhớ mong, khao khát, cháy bỏng thì Chùm nhỏ thơ yêu của Chế Lan Viên nghiêng về diễn tả những trạng thái tâm lý, những khoảnh khắc đẹp đẽ, đặc trưng của tình yêu, khi ngọt ngào, say đắm, khi buồn nhớ vì xa cách, khi suy tư, trăn trở về sự mong manh của tình yêu, hạnh phúc.

++ Thơ viết ở biển của Hữu Thỉnh có ngôn từ, hình ảnh giản dị, gần gũi, giàu nhịp điệu; Chùm nhỏ thơ yêu của Chế Lan Viên sử dụng ngôn từ tinh tế, hình ảnh tượng trưng, mới lạ, độc đáo; ngôn ngữ thơ vừa lãng mạn vừa mang tính triết lý.

+ **Lí giải sự tương đồng và khác biệt:**

++ Tương đồng:

Đề tài tình yêu và nỗi nhớ luôn là đề tài bất tận của thơ ca muôn đời, khơi gợi cảm hứng của nhiều nhà thơ.

Cả hai tâm hồn thơ đều tinh tế, nhạy cảm, có những cảm xúc chân thành, mãnh liệt trong tình yêu.

++ Khác biệt:

Mỗi nhà thơ có những suy tư riêng, những cảm quan, phong cách nghệ thuật riêng, vì vậy, họ có những khám phá riêng, biểu hiện riêng về tình yêu và nỗi nhớ.

Thơ Hữu Thỉnh thường mang tính trữ tình, sâu lắng, giản dị, gần gũi; Thơ Chế Lan Viên thường mang tính tượng trưng, siêu thực và triết lý sâu sắc nên ngôn từ, hình ảnh thường phong phú, mới lạ, giàu tính biểu tượng.

- **Đánh giá chung**

+ Cả hai nhà thơ đều thể hiện những cảm xúc tinh tế, sâu sắc về tình yêu đôi lứa.

+ Mỗi bài thơ hấp dẫn theo cách riêng, ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà thơ, là sản phẩm trí tuệ không lặp lại.

+ Đó chính là quy luật sáng tạo của nghệ thuật nói chung và cũng qua đó bộc lộ được vẻ đẹp đa thanh, đa sắc màu, đa giọng điệu của văn chương nói riêng.

* **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu ấn tượng của bản thân về hai bài thơ.

ĐỀ 2: Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trong bài thơ **Bếp quê** - Nguyễn Quang San và **Mẹ** - Nguyễn Ngọc Oánh.

Mẹ ngồi nhóm bếp lá dứa

Cành bàng thả lá heo may

Khói lên mây trắng cho vừa hoàng hôn. Bếp quē nào có nghèo hơn Chắt chiu mẹ giữ yêu thương từng ngày. Nhọc nhằn hằn dấu tay chai Mẹ qua trăm đắng nghìn cay cuộc đời. Cho môi con thấm nụ cười Theo năm tháng lớn lên rồi ...con xa!... (Trích <i>Bếp quē</i> - Nguyễn Giang Sơn)	Mẹ gầy cái dáng khô gầy cành tre Gót chân nứt nẻ đông hè Ruộng sâu bám mãi đã tõe ngón chân Mẹ ngồi vá áo trước sân Vá bao mong ước, tay sần mũi kim Bát canh đắng lá chân chim Lẫn vài cón tép mẹ tìm dành con... (Trích <i>Mẹ</i> - Nguyễn Ngọc Oánh)
--	--

Gợi ý làm bài:

*** Mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề: Tình mẫu tử là nguồn cảm hứng bất tận trong văn học và thơ ca, thể hiện qua hình ảnh người mẹ tảo tần, yêu thương con.
- Giới thiệu 2 tác giả, 2 đoạn thơ.
- Nêu vấn đề: Hai đoạn thơ cùng khắc họa hình ảnh người mẹ bằng những nét riêng, phản ánh sự hy sinh, nhọc nhằn và tình yêu thương vô điều kiện.

*** Thân bài**

- Nét chung của hai tác phẩm:

- + Hoàn cảnh ra đời và đề tài: Cả hai bài thơ đều lấy cảm hứng từ cuộc sống bình dị, chân thực của người mẹ nơi thôn quê. Đề tài tình mẫu tử - một chủ đề quen thuộc nhưng luôn sâu sắc và xúc động.
- + Chủ đề: Khắc họa tình yêu thương, sự nhọc nhằn và hy sinh của người mẹ dành cho con, thể hiện lòng biết ơn và trân trọng đối với đấng sinh thành.
- + Hình tượng trung tâm: người mẹ.
- + Cả hai bài thơ đều miêu tả người mẹ qua hình ảnh nghèo khó, lam lũ, chịu thương chịu khó (dáng gầy, tay chai, gót nứt...). Tình yêu thương và sự hy sinh của mẹ là điểm nhấn chính.
- + Cảm xúc trong thơ chân thành, sâu lắng, dễ chạm đến trái tim người đọc.

- Những điểm khác biệt giữa hai đoạn trích:

- + Nhan đề:
 - Bếp quē hướng về hình ảnh bếp lửa – biểu tượng của gia đình, tình mẫu tử.
 - Mẹ tập trung trực tiếp vào người mẹ, khắc họa cuộc đời lao động đầy khó nhọc.
- + Biểu tượng trung tâm:
 - ++ Trong *Bếp quē*: Hình ảnh bếp lửa gắn liền với mẹ, tượng trưng cho sự ấm áp, yêu thương.
 - ++ Trong *Mẹ*: Hình ảnh đôi tay, dáng gầy và các vật dụng đời thường (vá áo, bát canh) nhấn mạnh sự vất vả, tận tụy.
- + Giọng điệu và cảm xúc:
 - ++ *Bếp quē*: Nhẹ nhàng, mang âm hưởng hoài niệm, có chút nuối tiếc
 - ++ *Mẹ*: Sâu sắc hơn trong việc tái hiện sự lam lũ và tình yêu thương đầy hy sinh.

- Lý giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt:

- + Cả hai tác giả đều xuất phát từ nông thôn Việt Nam, thấu hiểu và trân trọng tình mẫu tử.
- + Đề tài người mẹ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ ca Việt Nam.
- + Phong cách thơ: Nguyễn Giang Sơn thiên về cảm xúc nhẹ nhàng, hoài niệm; Nguyễn Ngọc Oánh lại trực diện hơn với hiện thực đời sống.

- Đánh giá giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ:

- + Bài thơ "*Bếp quē*": Gợi nhớ những ký ức ấm áp về gia đình, quê hương. Tạo nên giá trị cảm xúc hoài niệm sâu sắc.
- + Bài thơ "*Mẹ*": Tái hiện chân thực cuộc sống nhọc nhằn của người mẹ. Gợi lên sự trân trọng, lòng biết ơn với những hy sinh thầm lặng.

*** Kết bài**

- Khẳng định giá trị của hai đoạn thơ: *Bếp quē* và *Mẹ* đều là những bài thơ giàu ý nghĩa, chạm đến tình cảm sâu kín của người đọc.
- Nhấn mạnh thông điệp: Tình mẹ là nguồn cội của yêu thương, là động lực lớn lao trong cuộc đời mỗi người.

- Kêu gọi trân trọng và bày tỏ lòng biết ơn với mẹ và gia đình.